

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC HỌC THEO MÔ HÌNH TIẾP CẬN NĂNG LỰC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN*

Ngày nhận bài: 08/09/2016; ngày sửa chữa: 09/09/2016; ngày duyệt đăng: 12/09/2016.

Abstract: Curriculum innovation is necessary for university to enhance training quality. Based on professional skills of graduates, existing curriculum analysis and students' competences, author proposes a Pedagogy curriculum with three branches: Psychology - Pedagogy and Education - Social Work with aim to equip students with knowledge on Psychology and Pedagogy and form professional competences for students so they can perform the duties of teachers as Psychology researchers, education experts, counsellors, psychological supporters or social workers at education institutions.

Keywords: Curriculum development, Pedagogy, capacity approach.

Trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay, việc phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) có vai trò rất quan trọng và cần thiết đối với các trường đại học, cao đẳng, là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo của mỗi trường.

Xét về phương diện lí luận, khái niệm phát triển CTĐT thuộc phạm trù nội dung đào tạo. Trong thực tiễn, phát triển CTĐT là quá trình hiện thực hóa mục tiêu đào tạo thông qua việc liệt kê và thực hiện các hoạt động theo một mô hình nhất định. Có nhiều mô hình phát triển CTĐT như: tiếp cận nội dung; tiếp cận theo mục tiêu; tiếp cận năng lực; tiếp cận theo hệ thống,... Hiện nay, mô hình tiếp cận theo năng lực đang được sử dụng rộng rãi. Tiếp cận năng lực giúp người học không chỉ *biết* mà còn có thể *làm* được trong môi trường lao động phù hợp với lĩnh vực được đào tạo - có thể vận dụng được hiệu quả những kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp.

Bài viết đề cập việc xây dựng CTĐT ngành *Giáo dục học* ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo tiếp cận năng lực.

1. Xây dựng CTĐT theo tiếp cận năng lực

Chúng tôi tiến hành điều tra, khảo sát vào tháng 6-8/2015 nhằm tìm hiểu thực trạng sinh viên (SV) ngành Giáo dục học ra trường đã sử dụng những kiến thức, kĩ năng nào vào công việc của mình như thế nào, điểm mạnh, yếu, nguyên nhân bất cập do đâu. Qua số liệu thống kê 400 cựu SV khoa Tâm lí - Giáo dục (TLGD) (từ K34-44), trong đó có 98 SV hiện đang giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trường trung học phổ thông; 20 SV làm ở các Trung tâm tư vấn giáo dục; 28 SV làm công tác Đoàn Thanh niên; 13 SV làm ở Hội Phụ

nữ; 34 SV làm ở các phòng, ban trong các trường chuyên nghiệp; 84 SV làm ở các tổ chức xã hội khác.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 76 người, gồm 16 cán bộ quản lí giáo dục và 60 cựu SV khoa TLGD hiện đang công tác trong và ngoài ngành giáo dục (gồm Lãnh đạo Sở GD-ĐT, cán bộ quản lí trường đại học, cao đẳng...) thuộc 5 tỉnh: Quảng Ninh, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên), đồng thời tiến hành phỏng vấn sâu trên 12 cán bộ quản lí, 14 cựu SV để lấy ý kiến của họ về các năng lực chung, năng lực nghề nghiệp cần có của cử nhân TLGD đáp ứng yêu cầu đổi mới; thực trạng CTĐT cử nhân sư phạm TLGD hiện nay để có những thông tin cần thiết trong việc đổi mới CTĐT; năng lực cần đạt được của SV ngành TLGD nhằm xác định mức độ phù hợp của chương trình và hồ sơ năng lực của SV sau khi tốt nghiệp. Từ kết quả khảo sát, chúng tôi xác định hồ sơ nghề nghiệp của SV, trên cơ sở đó xác định hồ sơ năng lực, đi đến xây dựng CTĐT có sự rẽ nhánh (cho cử nhân *Sư phạm TLGD* và *Giáo dục - Công tác xã hội*) phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

1.1. Hồ sơ nghề nghiệp (xem bảng 1 trang bên)

1.2. Hồ sơ năng lực, gồm:

Các năng lực cơ bản của cử nhân Sư phạm TLGD

- Giảng dạy tâm lí học, giáo dục học; - Giáo dục; - Nghiên cứu khoa học; - Tổ chức và quản lí giáo dục; + Phát triển chương trình giáo dục; - Đánh giá kết quả giáo dục.

Các năng lực cơ bản của cử nhân Giáo dục - Công tác xã hội: - Công tác xã hội cá nhân, nhóm; - Tư vấn, tham vấn; - Giáo dục trẻ khuyết tật.

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Bảng 1. Hồ sơ nghề nghiệp

Nghề nghiệp đặc trưng	Môi trường làm việc	Giảng viên, giáo viên tâm lý giáo dục	Chuyên gia tư vấn, tham vấn tâm lý	Chuyên viên các phòng ban trong các trường chuyên nghiệp	Chuyên viên trong các tổ chức xã hội	Chuyên viên trong các viện nghiên cứu
Các trường chuyên nghiệp						
Các tổ chức xã hội						
Cơ sở giáo dục và trung tâm tư vấn						
Viện nghiên cứu						

Các năng lực chung: - Chính trị; - Giao tiếp; - Làm việc nhóm; - Làm việc với các tổ chức hành chính, cá nhân; - Nhận diện đặc điểm người học và môi trường giáo dục; - Phát triển nghề nghiệp liên tục; - Ngoại ngữ và tin học.

Từ các năng lực chung và năng lực chuyên biệt, chúng tôi mô tả chi tiết các năng lực thành phần, với yêu cầu về mức độ cần đạt được theo định dạng (xem **bảng 2**):

Bảng 2. Yêu cầu về mức độ cần đạt được của các năng lực thành phần

Mã số	Hồ sơ năng lực	
A	Nhiệm vụ thực hiện	Giới thiệu về các giai đoạn thực hiện công việc
B	Mô tả công việc	Mô tả nhiệm vụ của năng lực tương ứng. Đó là các nhiệm vụ cụ thể được yêu cầu phải thực hiện
C	Kết quả	Mô tả các kết quả/sản phẩm của năng lực tương ứng tạo ra
D	Tiêu chuẩn so sánh	Mô tả các tiêu chuẩn so sánh, đánh giá kết quả/sản phẩm tạo ra có đạt hay không đạt, đạt ở mức thấp hay cao,...
E	Năng lực cần thiết	Mô tả chi tiết năng lực tổng hợp (gồm: kiến thức, kĩ năng và thái độ) của người học khi họ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Đây chính là mục tiêu của quá trình đào tạo cần đạt được.

Ví dụ về hồ sơ năng lực giảng dạy Tâm lý học, Giáo dục học (xem **bảng 3**).

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp, rà soát lại chương trình hiện hành và trên cơ sở hồ sơ năng lực của SV sau khi tốt nghiệp, chúng tôi xây dựng CTĐT ngành Giáo dục học, cụ thể gồm 2 nhánh: *Sư phạm TLGD* và *Giáo dục - Công tác xã hội*.

Bảng 3. Ví dụ về hồ sơ năng lực giảng dạy Tâm lý học, Giáo dục học

Hồ sơ năng lực giảng dạy Tâm lý học, Giáo dục học		
A	Nhiệm vụ thực hiện	Giới thiệu toàn bộ quá trình dạy học Tâm lý học, Giáo dục học
B	Mô tả công việc	Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học; tư vấn, hướng dẫn hoạt động tự học cho người học; hướng dẫn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV, đánh giá kết quả giảng dạy.
C	Kết quả	- Bản đề cương chi tiết môn học - Đề cương bài giảng được thẩm định - Giờ học hiệu quả (thể hiện qua số theo dõi chuyên môn, kết quả giám sát của Phòng Thanh tra và Pháp chế, ý kiến phản hồi của người học).
D	Tiêu chuẩn so sánh	Căn cứ trên: - Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học; - Quy chế hoạt động của Trường Đại học Thái Nguyên; - Quy chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; - Chuẩn đầu ra và các mục tiêu của môn học
E	Năng lực cần thiết	- Xây dựng đề cương chi tiết môn học - Xây dựng đề cương bài giảng - Tổ chức hoạt động dạy học Tâm lý học, Giáo dục học, Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non, Giáo dục học tiểu học,.... - Hướng dẫn SV rèn luyện nghiệp vụ sư phạm - Kiểm tra, đánh giá kết quả của người học - Phát triển chương trình môn học - Ứng dụng tin học, ngoại ngữ trong dạy học Tâm lý học, Giáo dục học

Tổng số môn học trong chương trình của mỗi nhánh là: 63 môn, tương ứng 127 tín chỉ (SV phải tích lũy 50 môn) trong đó: 40 môn bắt buộc, tương ứng 106 tín chỉ; 10/23 môn tự chọn, tương ứng 21 tín chỉ, được thực hiện trong 4 năm học với 8 học kì. Với mục tiêu là trang bị cho SV các kiến thức cơ bản, hiện đại về Tâm lý học, Giáo dục học; hình thành kĩ năng nghề nghiệp cơ bản để thực hiện được các nhiệm vụ trong dạy học và nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học, chuyên gia giáo dục ở trường phổ thông, chuyên viên tư vấn, hỗ trợ tâm lý, nhân viên công tác xã hội, chuyên viên làm việc tại các phòng, ban của các cơ sở GD-ĐT.

Từ học kì 1 đến học kì 4, SV được trang bị các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành với tổng số 68 tín chỉ. Ở học kì 5, chương trình rẽ thành 2 nhánh, một nhánh trang bị cho SV các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cần thiết; một nhánh trang bị kiến thức, kĩ năng, phẩm chất giúp các em ra trường có thể làm tốt trong nhiều lĩnh vực như: chuyên gia

tư vấn, tham vấn; chuyên viên trong các tổ chức xã hội, các viện nghiên cứu,... với những môn học bắt buộc và tự chọn, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau này.

Sau khi chương trình hoàn thành, tiến hành triển khai thực hiện chương trình cho SV khóa 50 của ngành Giáo dục học, quá trình triển khai thực hiện chương trình được tổ chức, quản lý chặt chẽ, theo hướng giao quyền tự chủ nhằm phát huy tối đa năng lực và khả năng sáng tạo của giảng viên và SV. Quá trình thực hiện thường xuyên có sự kiểm tra, giám sát, việc giám sát và đánh giá được thực hiện ở tất cả bước trong quy trình phát triển chương trình, đồng thời thông qua mỗi môn học, bài học và các mức độ đạt được của mục tiêu đào tạo. Dựa trên kết quả đánh giá, tổ chức rút kinh nghiệm, tiếp tục khắc phục những điểm chưa phù hợp để chương trình hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt yêu cầu người học và nhu cầu thực tiễn xã hội

2. Điểm mới của CTĐT theo tiếp cận năng lực so với chương trình cũ

Khối kiến thức chuyên ngành tăng hơn, kiến thức tự chọn nhiều hơn; - Nội dung các môn học, chuyên đề gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, với năng lực của SV; - Thời lượng: Giảm lý thuyết, tăng thực hành (tất cả các môn học đều có tỉ trọng: 50% lý thuyết, 50% thực hành); - Hình thức dạy học: Đa dạng (tập thể, nhóm, cá nhân theo hướng giảm thuyết trình trên lớp, tăng cường thực hành, thảo luận, thực tế chuyên môn); - Kiểm tra, đánh giá: Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo 03 mức độ, vì vậy đánh giá được toàn diện về kiến thức và năng lực thực hành của SV; - Đề cương môn học được xây dựng theo mục tiêu: kiến thức, kĩ năng, thái độ với 03 bậc: tái hiện, vận dụng và sáng tạo (có thể đo được mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng).

3. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình xây dựng chương trình

- *Thuận lợi*: - Nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường với những văn bản hướng dẫn cụ thể; - Đội ngũ cán bộ trong khoa có sự quyết tâm trong việc xây dựng, đổi mới chương trình.

- *Khó khăn*: - Đội ngũ chuyên gia còn ít nên gặp khó khăn khi xây dựng chương trình theo nhánh mới

và xây dựng đề cương môn học theo mẫu mới; - Nhận thức của một bộ phận giảng viên về vấn đề đổi mới chương trình còn chưa đúng (do thói quen cũ, lạc hậu) nên trong quá trình triển khai thực hiện chưa có sự phối hợp cao.

Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội, nhu cầu của người học, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay, việc nghiên cứu, đề xuất xây dựng lại CTĐT là nhiệm vụ cấp thiết của mỗi nhà trường, đặc biệt là với các trường đại học sư phạm, cao đẳng sư phạm. Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng CTĐT là rất khó khăn do thói quen, ý thức đổi mới, mức độ hiểu biết về khoa học phát triển chương trình của mỗi giảng viên là khác nhau. Vì vậy, để quá trình phát triển CTĐT đạt được hiệu quả cao, theo chúng tôi các trường cần: nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ giảng viên về sự cần thiết phải đổi mới chương trình; thành lập nhóm chuyên gia xây dựng chương trình, tạo điều kiện cho nhóm được học tập, trao đổi kinh nghiệm về phát triển chương trình với các đơn vị tiên tiến khác; đầu tư cơ sở vật chất để giảng viên thực hiện hiệu quả hơn việc đổi mới phương pháp dạy học; thiết lập mối quan hệ với các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác, nhằm tạo điều kiện cho SV ngành Giáo dục học được thực hành, vận dụng chuyên môn vào thực tiễn. □

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

[2] Học viện Quản lý giáo dục (2014). *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông.* Tài liệu Hội thảo khoa học, tháng 10/2014.

[3] Phạm Hồng Quang (2013). *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - những vấn đề lý luận và thực tiễn.* NXB Đại học Thái Nguyên.

[4] Phạm Hồng Quang (2014). *Quy trình xây dựng chương trình đào tạo giáo viên mới.* Tạp chí Giáo dục số 341, tr 1.

[5] Đỗ Minh Cương - Nguyễn Thị Doan (2001). *Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam.* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.